TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1127/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Mộng Nghi

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 902/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T – sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: 40/1 ấp T, xã T, huyện H, Tp.HCM.

Bị đơn: ông Trương Minh L – sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 81/4 ấp X, xã X, huyện H, Tp.HCM.

NHẬN THẤY

Theo đơn xin ly hôn viết ngày 03/7/2019, bản tự khai ngày 28/8/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/8/2019, biên bản làm việc ngày 28/8/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Trương Minh L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào đầu năm 2002, không đăng ký kết hôn. Sau khi xây dựng gia đình thì vợ chồng sống chung tại nhà ông L. Cuộc sống chung giữa vợ chồng lúc đầu hạnh phúc.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra từ năm 2018, nguyên nhân phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông L thường cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Bà và ông L đã ly thân với nhau từ tháng 2 năm 2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Minh L.

Về con chung: có 01 trẻ tên Trương Nguyễn Thanh T – sinh ngày 14/8/2002. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Theo bản tự khai ngày 28/8/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản làm việc ngày 28/8/2019, bị đơn ông Trương Minh L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2002, không đăng ký kết hôn. Sau khi xây dựng gia đình thì vợ chồng sống chung tại nhà ông tại địa chỉ 81/4 ấp X, xã X, huyện H, Tp.HCM. Cuộc sống chung giữa vợ chồng lúc đầu hạnh phúc.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, thường gây gổ làm cuộc sống mất hạnh phúc. Do mâu thuẫn không giải quyết được nên nay bà T xin ly hôn với ông, Tuy nhiên do còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: có 01 trẻ tên Trương Nguyễn Thanh T – sinh ngày 14/8/2002. Ông L đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T đến tuổi trưởng thành và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn ông Trương Minh L vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thụ lý đúng thẩm quyền; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự tuân thủ đúng pháp luật; gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Phiên tòa được tiến hành đúng thời gian, địa điểm; thành phần Hội đồng xét xử đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đây là hôn nhân không hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là mối quan hệ hôn nhân không hợp pháp do đôi bên không đăng ký kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung giữa vợ chồng có nhiều bất đồng nhưng cả bà T và ông L đều không thể giải quyết dẫn đến cuộc sống chung giữa vợ chồng mất hạnh phúc. Tuy nhiên vì đây là hôn nhân không hợp pháp nên Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó Hội đồng xét thấy cần áp dụng điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông L là phù hợp.

3. Về con chung: có 01 trẻ tên Trương Nguyễn Thanh T – sinh ngày 14/8/2002. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại con chung đang sống với bà T, việc giao cho bà T trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, đảm bảo được sự ổn định của trẻ đồng thời phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên yêu cầu này của bà T là có cơ sở chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, 15, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trương Minh L.

2/ Về con chung: có 01 trẻ tên Trương Nguyễn Thanh T – sinh ngày 14/8/2002. Giao trẻ T cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông L cho đến khi có yêu cầu của bà T.

Vì lợi ích con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này, khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi việc nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

4/ Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị T thi hành. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004481 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn nay được cấn trừ nên không phải thi hành tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Mai